

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2025/DS-ST
Ngày: 25-6-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trương Hữu Bình
- Ông Hồ Đắc Minh

-Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 159/2025/TLST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2025 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2025/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Thanh T, sinh năm 1987; địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện D, huyện D, tỉnh Bình Dương

- *Bị đơn:* Ông Lưu Thế T1, sinh năm 1988; địa chỉ: Số nhà 21 đường N1, Khu phố 2, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- *Người làm chứng:* Bà Nguyễn Thị Thủy T2, sinh năm 1988; địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn bà Lê Thị Thanh T vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn Lưu Thế T1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do; người làm chứng bà Nguyễn Thị Thủy T2 vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 06/3/2025, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà T trình bày:***

Vào ngày 17/01/2024 thông qua bà T2 thì bà T có cho ông T1 vay số tiền 50.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận bằng miệng lãi suất là 5%, thời hạn vay ông T1 nói khi nào nhận được tiền bảo hiểm thì ông T1 trả lại cho bà T số tiền vay 50.000.000 đồng. Bà T đã giao cho ông T1 số tiền 50.000.000 đồng thông qua hình thức chuyển khoản từ tài khoản ngân hàng Agribank số tài khoản 5504205287653 của bà T và chuyển vào số tài khoản của ông T1 và ông T1 ký tên vào giấy nợ. Việc ông T1 vay của bà T số tiền 50.000.000 đồng thì có bà Nguyễn Thị Thủy T2 chứng kiến và bà T2 cũng ký tên vào người làm chứng trong giấy nợ ngày 17/01/2024. Khi ông T1 vay tiền của bà T thì ông T1 có thể chấp cho bà T 1 sổ bảo hiểm mang tên Lưu Thế T1 số sổ 7416293355 bản chính và bản chính Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 469/CSDT-QĐCDHĐLĐ ngày 27/7/2023 của ông Lưu Thế T1 để làm tin, ông T1 còn ký cho bà T 1 giấy ủy quyền để bà T đi làm thủ tục cho ông T1 nhận tiền bảo hiểm, bà T chỉ đi làm thủ tục thôi chứ nhận tiền bảo hiểm thì ông T1 nhận, khi nào ông T1 nhận được tiền bảo hiểm thì ông T1 trả lại cho bà T số tiền vay 50.000.000 đồng. Tuy nhiên khi bà T đi làm thủ tục cho ông T1 nhận tiền bảo hiểm thì ông T1 không giao căn cước công dân của ông T1 cho bà T nên bà T không làm thủ tục cho ông T1 nhận tiền bảo hiểm được. Bà T đã nhiều lần điện thoại, nhắn tin cho ông T1 để yêu cầu ông T1 trả cho bà T số tiền đã vay nhưng ông T1 không trả lời vì vậy bà T mới khởi kiện ông T1 yêu cầu ông T1 trả lại cho bà T số tiền vay là 50.000.000 đồng, bà T không yêu cầu tính lãi suất. Hiện nay bà T đang giữ bản chính 1 sổ bảo hiểm mang tên Lưu Thế T1 số sổ 7416293355 và Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 469/CSDT-QĐCDHĐLĐ ngày 27/7/2023 (bản chính) của ông Lưu Thế T1 khi nào ông T1 trả tiền cho bà T thì bà T đồng ý trả lại bản chính những giấy tờ này cho ông T1. Ngoài ra bà T không có ý kiến gì khác.

**** Quá trình tố tụng giải quyết vụ án bị đơn ông T1 trình bày:***

Trong quá trình tố tụng để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng và các tài liệu, chứng cứ theo quy định pháp luật để báo cho ông Lưu Thế T1 biết và thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình nhưng ông T1 vẫn vắng mặt không có lý do cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn ông T1.

**** Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/5/2025 người làm chứng bà T2 trình bày:***

Bà T2 có mối quan hệ quen biết với ông T1 và bà T, ông T1 có nhu cầu cần vay tiền thì bà T2 giới thiệu bà T với ông T1, sau khi các bên thỏa thuận

và đồng ý thì ngày 17/01/2024 bà Tiên, bà T và ông T1 gặp nhau, bà T đồng ý cho ông T1 vay số tiền 50.000.000 đồng và ông T1 có thể chấp cho bà T bản chính cuốn sổ bảo hiểm xã hội đứng tên ông T1 và Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 469/CSDT-QĐCDHĐLĐ ngày 27/7/2023 (bản chính). Bà T2 có chứng kiến việc bà T giao số tiền 50.000.000 đồng cho ông T1, ông T1 giao cho bà T bản chính cuốn sổ bảo hiểm xã hội đứng tên ông T1 số sổ bảo hiểm là 7416293355 và Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 469/CSDT-QĐCDHĐLĐ ngày 27/7/2023 (bản chính), sau đó ông T1 và bà T ký tên vào giấy viết tay xác nhận giao dịch vay mượn tiền giữa hai bên.

Ngoài ra bà T2 không có ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng là đã tự từ bỏ quyền lợi của mình.

Về nội dung vụ án: Quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử xem xét làm rõ tại phiên tòa cho thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Lê Thị Thanh T yêu cầu bị đơn ông Lưu Thế T1 thanh toán số tiền vay là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng). Ông Lưu Thế T1 có nơi cư trú tại địa chỉ số nhà 21 đường N1, Khu phố 2, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Thanh T vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn ông Lưu Thế T1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành

xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn bà Lê Thị Thanh T yêu cầu bị đơn ông Lưu Thế T1 trả số tiền đã vay là 50.000.000 đồng, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình thì nguyên đơn bà T đã cung cấp một giấy nợ viết tay do bị đơn ông T1 ký tên, lăn tay xác nhận. Từ chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp cùng với lời khai của người làm chứng bà T2 xác định được rằng bị đơn ông T1 có vay của nguyên đơn bà T số tiền 50.000.000 đồng, hai bên không thỏa thuận về thời gian vay và lãi suất. Bà T đã nhiều lần yêu cầu ông T1 trả nợ nhưng ông T1 vẫn không trả, tính đến nay thì bị đơn ông T1 chưa trả được bất kỳ một khoản tiền nợ nào cho bà T. Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn ông T1 tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng ông T1 vắng mặt không có lý do; đồng thời ông T1 cũng không cung cấp chứng cứ, không cung cấp ý kiến của mình. Việc ông T1 không thanh toán số tiền nợ cho bà T khi đến hạn thanh toán là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại các Điều 463, 466, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, ông T1 phải có trách nhiệm thanh toán cho bà T số tiền đã vay là 50.000.000 đồng. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Để đảm bảo cho giao dịch vay tiền thì bị đơn ông T1 có thể chấp cho nguyên đơn bà T một bản chính sổ bảo hiểm xã hội đứng tên ông Lưu Thế T1, số sổ 7416293355 và một bản chính Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 469/CSĐT-QĐCDHĐLĐ ngày 27/7/2023 của ông Lưu Thế T1. Xét thấy việc nguyên đơn bà T giữ bản chính sổ bảo hiểm xã hội đứng tên ông Lưu Thế T1, số sổ 7416293355 và bản chính Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 469/CSĐT-QĐCDHĐLĐ ngày 27/7/2023 của ông Lưu Thế T1 là không đúng theo quy định của pháp luật vì nguyên đơn không có chức năng cầm cố tài sản thế chấp nên ý kiến của nguyên đơn bà T về việc đồng ý trả lại những giấy tờ này cho ông T1 là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Quan điểm về nội dung vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng tại phiên tòa là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 463, 466, 468 và 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Thanh T đối với bị đơn ông Lưu Thế T1 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Lưu Thế T1 có trách nhiệm thanh toán cho bà Lê Thị Thanh T số tiền là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị Thanh T đồng ý trả cho ông Lưu Thế T1 một bản chính sổ bảo hiểm xã hội số sổ 7416293355 đứng tên ông Lưu Thế T1 và một bản chính quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 469/CSDT-QĐCDHĐLĐ ngày 27/7/2023 của ông Lưu Thế T1.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lưu Thế T1 phải chịu số tiền 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho bà Lê Thị Thanh T số tiền 1.250.000 đồng (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0002022 ngày 17 tháng 4 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết theo quy định pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Tuyết